

# NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở VIỆT NAM THẾ KỈ XIX

THS NGUYỄN ĐỨC CHÍNH\*

## 1. Dẫn nhập

Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) là nhà cải cách xã hội nổi tiếng của Việt Nam dưới triều vua Tự Đức. Ông xuất thân trong một gia đình Công giáo ở làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Thuở nhỏ ông theo học chữ Hán và đạt được những kiến thức vững chắc về Hán học, nhưng ông không thích lối học từ chương, rồi sau đó chuyển qua học tiếng Pháp và các môn học phổ thông với linh mục Gauthier ở Nhà chung Xã Đoài. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trường Tộ gắn liền với các bản điều trần (những văn bản gửi lên vua Tự Đức từ năm 1861 đến 1871) trong đó ông đã đề xuất những cải cách để đưa đất nước phát triển theo kịp với tiến trình phát triển của các nước Phương Tây lúc bấy giờ. Những cải cách mà ông kiến nghị trong các bản điều trần liên quan tới tất cả các lĩnh vực như chính trị, khoa học, kỹ thuật, nông nghiệp, thương nghiệp và các vấn đề dân sinh khác. Qua những bản điều trần, chúng ta thấy được một tầm nhìn sâu rộng, và trên hết là lòng yêu nước thiết tha của ông. Lâu nay, các nhà nghiên cứu lịch sử và văn học đã nghiên cứu về cuộc đời, sự

nghiệp và những trước tác của ông, vì thế chúng ta đã có được một cái nhìn toàn diện về một con người xuất chúng. Do đó, trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ xin đề cập đến những cải cách liên quan đến ngôn ngữ mà ông đã trình bày trong các bản điều trần. Trên cơ sở đó, chúng ta có cái nhìn tương quan với chính sách ngôn ngữ mà trong giai đoạn hiện nay nhà nước ta đang cố gắng xây dựng với tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức cùng với việc phát huy tính đa dạng của các ngôn ngữ dân tộc thiểu số; và khuyến khích việc dạy và học những ngôn ngữ phổ biến trên thế giới. Những gì mà Nguyễn Trường Tộ gửi gắm qua các bản điều trần về cải cách ngôn ngữ hoàn toàn phù hợp với chính sách ngôn ngữ mà chúng ta đang thực hiện.

## 2. Những cải cách ngôn ngữ do Nguyễn Trường Tộ đề xuất

### 2.1. Dùng chữ Hán quốc âm

Theo sự phân kì lịch sử tiếng Việt của Nguyễn Tài Căn (2003), thời điểm mà Nguyễn Trường Tộ viết những bản điều trần vẫn nằm trong giai đoạn cuối của tiếng Việt Trung đại với hai

\* Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng.

ngôn ngữ: tiếng Việt và văn ngôn Hán; ba văn tự: chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. Tuy có sự đa dạng về ngôn ngữ như vậy, nhưng chữ Hán vẫn là chữ viết chính thức của nước ta ở cả phương diện hành chính, pháp luật lẫn khoa cử thời bấy giờ. Cũng cần phải nhắc lại rằng từ khi được du nhập vào Việt Nam, chữ Hán ở ta có cách phát âm khác với cách phát âm của người Trung Quốc, đây chính là lỗi phát âm hay cách đọc chúng ta vẫn quen gọi là Hán - Việt. Điều này làm cho người học thứ văn tự này gặp rất nhiều khó khăn bởi người học vừa phải học cách viết, nghĩa của các từ cùng một lúc. Xuất phát từ chủ trương cái cách giáo dục nhằm khuyến khích việc học hành trở nên dễ dàng và rộng rãi trong nhân dân, trong *Tể cấp bát điều* (Tám việc cần làm ngay), Nguyễn Trường Tộ đã đề xuất “chữ Hán quốc âm”, tức là chữ Hán chuyển đọc ra quốc âm, không cần học nghĩa mà đọc lên ai cũng hiểu, dẫu không biết đọc hay viết cũng hiểu được. Theo ông, chữ Hán mà chúng ta sử dụng bấy lâu nay “về phát âm đã không theo đúng giọng Trung Quốc, cũng không phải tiếng phổ thông của nước ta. Âm vận của chữ này chỉ có ai học mới biết, không học thì nghe cũng như vịt nghe sấm mà thôi”. Vì vậy ông đề nghị: “Nay lấy chữ Hán ra đọc quốc âm, thì khi đọc lên ai nghe cũng hiểu, có phải vừa dễ dàng vừa bớt được bao nhiêu phiền phức không. Nếu học sách quốc âm, học sinh ở nhà đọc đàn bà con nít nghe cũng hiểu, như vậy tuy không đi học mà cũng học được. Nếu dùng quốc âm thì lúc nhỏ đã có cha mẹ dạy, lớn lên đi học chỉ học nét viết mà thôi” (Nguyễn

Trường Tộ, *Di cáo số 27 - Tám việc cần làm ngay*) [6, 296]. Ông đưa ra thí dụ từ *thực phạm* thì đọc là *ăn com*. Điều này sẽ giúp ích người học rất nhiều bởi họ sẽ chỉ tập trung vào “*học mặt chữ thôi, không phải tốn nhiều công phu học cái tiếng chẳng phải Hán, chẳng phải ta*”. Lâu nay chữ Hán đã gây ra rất nhiều khó khăn đối với người học, và đặc biệt là những người nông dân, một tầng lớp chiếm đa số trong xã hội lúc bấy giờ. Họ không biết chữ Hán, nhưng tất cả các văn bản hành chính của Triều đình phong kiến đều được viết bằng thứ văn tự này. Nguyễn Trường Tộ cũng đã nhận xét: “*Một tờ trát đưa xuống, kẻ hiểu thế này, người hiểu thế khác. Một chữ trong luật, kẻ nói tội nhẹ, người nói tội nặng... Thông cáo yết thị của nhà nước truyền xuống phải qua người biết chữ đọc và dịch lại cho dân, nhưng phần nhiều viện dẫn thất thiệt, giảng nghĩa không rõ khiến dân thường không hiểu hết, y trí của Triều đình bị xuyên tạc.*” (Nguyễn Trường Tộ, *Di cáo số 27 - Tám việc cần làm ngay*) [6, 296].

Một khi chữ Hán quốc âm được hình thành, ông cũng hướng tới vấn đề chuẩn hóa ngôn ngữ, điều mà lâu nay chúng ta đã làm với chữ quốc ngữ. Cụ thể khi chữ Hán quốc âm được hình thành rồi, việc đầu tiên phải làm là biên soạn từ điển, rồi ban hành trong các cơ quan chính quyền, trường học để người học bắt đầu làm quen và sử dụng dễ dàng: “*Khi nào chữ Hán đã được đọc thành âm tiếng ta rồi thì bất cứ ai biên chép việc công hay việc tư đều phải dùng thứ chữ đã ban hành, không được thay đổi. Còn các nhà văn, ai muốn dùng chữ*

*Hán theo âm Nho tùy ý, nhưng trong công việc làm thì phải dùng thứ chữ Triều đình đã ban hành.*" (Nguyễn Trường Tộ, *Di cáo số 27 - Tám việc cần làm ngay*) [6, 297].

Tới đây, không ít trong số chúng ta sẽ tự hỏi tại sao ông không sử dụng hai thứ chữ viết đã có sẵn lúc bấy giờ, đó là chữ Nôm và chữ Quốc ngữ theo mẫu tự Latinh. Lúc bấy giờ chữ quốc ngữ theo mẫu tự Latinh được sử dụng phổ biến trong giới Công giáo ở thế kỉ XVII-XVIII. Trần Trí Dõi (2001) cho rằng chữ Quốc ngữ ở Việt Nam trước và sau thế kỷ XVIII "chỉ là phương tiện ngôn ngữ của cộng đồng tôn giáo và chưa thực sự là phương tiện ngôn ngữ của dân chúng sử dụng tiếng Việt nói chung" [5, 253]. Trong điều kiện lịch sử như vậy, Nguyễn Trường Tộ đã giải thích: "*Chả lẽ cả nước ta không có ai giỏi để có thể lập ra một thứ chữ viết tiếng ta hay sao? Vì ta dùng chữ Nho đã lâu nên không cần thay đổi tất cả, sợ làm cho người ta lạ tai lạ mắt*" (Nguyễn Trường Tộ, *Di cáo số 27 - Tám việc cần làm ngay*) [6, 297]. Theo Trương Bá Cần (2002), ông cũng không đề cập gì ở đây bởi chữ Nôm xét về mặt cấu tạo còn phức tạp hơn cả chữ Hán. Theo các chuyên gia về Hán - Nôm, nhìn chung chữ Nôm khó gấp năm lần so với chữ Hán. Do đó, dùng chữ Hán sẽ dễ dàng cho người học hơn khi cứ dùng chữ Nho đọc thành âm tiếng ta.

## 2.2. Gửi học sinh đi học ngoại ngữ

Đề giao lưu, hợp tác với các nước Phương Tây, và đặc biệt là tiếp cận với nền giáo dục hiện đại của những nước này, Nguyễn Trường Tộ đặc biệt quan tâm tới việc học ngoại ngữ.

Từ sự nhận thức về tầm quan trọng của ngoại ngữ đối với vấn đề bang giao của đất nước, ông đã đề nghị Triều đình cử người ra nước ngoài học ngoại ngữ trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của tiếng Anh và tiếng Pháp: "*Nước ta hiện nay, việc học tiếng Anh, tiếng Pháp là rất khẩn cấp*" (Nguyễn Trường Tộ, *Di cáo số 45 - Về việc gửi học sinh sang Singapore học ngoại ngữ*) [6, 426]. Vậy thì hai ngoại ngữ đó sẽ được học ở đâu và học như thế nào? Chắc hẳn chúng ta đều nghĩ rằng ông sẽ đề nghị triều đình gửi người qua Pháp học. Nhưng ông đã không lựa chọn nước Pháp như chúng ta nghĩ, mà là Hạ Châu (tức Singapore ngày nay) bởi những lí do như vị trí địa lí của Singapore rất gần với Việt Nam nên học sinh có thể trao đổi thư từ, đi lại dễ dàng. Vì thế, khi Triều đình có việc khẩn cấp, các lưu học sinh được triệu tập về nước dễ dàng để sai phái công việc. Ở Singapre, thực phẩm như gạo, cá rất rẻ, nước trong trẻo; không khí trong lành, ít bệnh tật. Vấn đề chi phí cho những khóa học ngoại ngữ này cũng được ông cân nhắc bởi học ở Singapore rẻ hơn nhiều so với học bên Tây.

Điều quan trọng nhất trong đề xuất này chính là ở chỗ khi ông chọn Singapre, ông muốn học sinh có thể học được hai hay ba ngôn ngữ cùng một lúc. Ông diễn giải: "*Một nửa học sinh học tiếng Pháp, một nửa nữa học sinh học tiếng Anh, bình thường giao du thì nói tiếng Trào Oa, tiếng Tàu, như vậy là học một mà biết được hai. Nếu người nào thông minh, ngôn ngữ chính của mình học là tiếng Pháp nhưng khi rành rang học thêm được tiếng Anh càng tốt*" (Nguyễn Trường

Tô, *Di cáo số 45 - Về việc gửi học sinh sang Singapore học ngoại ngữ*) [6, 426]. Có thể nói rằng Nguyễn Trường Tô đã có cái nhìn rất tiến bộ và rất thực tế bởi ông không chỉ thấy được tầm quan trọng của những ngôn ngữ có tầm ảnh hưởng lớn lúc bấy giờ là tiếng Anh và tiếng Pháp, mà ông còn xem xét rất nhiều các yếu tố khác để đi đến sự lựa chọn cuối cùng là Singapore. Cũng cần phải nhắc lại là Singapore lúc đó chưa phải là một quốc gia Singapore hùng mạnh như bây giờ; mà chỉ là một thuộc địa của Anh. Vào thời điểm mà Nguyễn Trường Tô đề xuất kế hoạch này, vị trí của tiếng Anh ở Singapore cũng chưa được xem là một trong bốn ngôn ngữ chính như hiện nay (Mã Lai, Quan Thoại, Tamil và tiếng Anh). Một bản kiến nghị chưa đầy hai trang giấy nhưng nó chứa đựng biết bao nhiêu ý tưởng có giá trị mà các nhà hoạch định chính sách ngôn ngữ ngày nay cũng cần phải tham khảo.

Cũng liên quan tới tầm quan trọng của ngoại ngữ trong công cuộc canh tân đất nước, Nguyễn Trường Tô rất coi trọng tới việc dịch các văn bản ngoại giao và các sách về khoa học để truyền bá kiến thức hiện đại tới người dân. Ông nói: “*Ngôn ngữ các nước trên thế giới đều khác nhau, nhưng sở dĩ có thể hợp nhau trao đổi làm việc, đều do con đường thông dịch làm cơ sở... Nếu dịch sai lầm, thì một li đi xa ngàn dặm*” (Nguyễn Trường Tô, *Di cáo số 45 - Về việc gửi học sinh sang Singapore học ngoại ngữ*) [6, 426]. Cũng theo ông, nếu ai biết các tiếng nước ngoài như tiếng Anh, Trung Quốc, Miên, Lào, và đặc biệt là tiếng Pháp sẽ phải qua một kì

thi sát hạch. Nếu họ thành công, sẽ được cấp bằng tú tài và được xem là “hành nhân”, tức là người hành nghề biên, phiên dịch mà lúc bấy giờ ta gọi là thông ngôn. Đây chẳng phải là cách mà một số nước phát triển như Australia hiện nay đang áp dụng để cấp chứng chỉ hành nghề cho những người làm công việc biên, phiên dịch. Cụ thể ở Australia, nếu ai đó muốn hành nghề biên, phiên dịch, người đó phải qua một kì thi do một cơ quan có thẩm quyền cấp (NATTI - The National Accreditation Authority for Translators and Interpreters). Bên cạnh đó, ông còn đề nghị: “*Nếu ai tinh thông các sách về máy móc kĩ thuật của phương Tây có ích cho việc thực dụng thì dịch ra, theo bản đồ vẽ lại hoặc một bộ, hai bộ, ba bộ không hạn chế, những sách dịch ra lấy 1.000 trang làm tiêu chuẩn, đệ nạp lên Bộ rồi cùng với Tây soái duyệt xét không sai thì ban cho là cử nhân tại gia*” (Nguyễn Trường Tô, *Di cáo số 18 - Về việc học thực dụng*) [6, 221]. Nếu xét trên bình diện kiểm tra, đánh giá trong ngôn ngữ hiện nay, ta thấy rằng ông đã hướng tới công cụ chuẩn để sát hạch những người làm công tác biên, phiên dịch thời bấy giờ, đó chính là những người Pháp cùng với người Việt thành thạo về hai ngôn ngữ này mới có thể đánh giá được những bài dịch mà các thí sinh gửi lên.

### 2.3. Ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số

Bên cạnh việc phát triển chữ Hán quốc âm và ngoại ngữ, Nguyễn Trường Tô cũng không quên kiến nghị với triều đình về việc khuyến khích học ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số:

“*Muốn khai thác vùng ven núi phía Tây để thu về nguồn lợi ở phía Tây ấy, kế tiếp công nghiệp mở rộng khai thác miền Nam của liệt thánh Triều đình ta, thì cũng không thể không gấp rút học các thổ âm các dân tộc vùng phía sau núi*” [6, 426]. Nếu so sánh với việc phát triển quốc âm và gửi học sinh đi học ngoại ngữ, ta thấy rằng việc ông đề xuất học tiếng của các dân tộc thiểu số vẫn mang tư tưởng khai hóa những vùng đất mới. Thực tế lúc bấy giờ, các dân tộc ở Tây Nguyên cũng như phía Nam của nước ta vẫn còn tách biệt với cộng đồng người Kinh và chưa có được mối quan hệ khăng khít. Dưới con mắt của mọi người lúc đó, các dân tộc thiểu số giống như những người đến từ quốc gia khác. Nguyễn Trường Tộ đã thấy được rằng để có thể thiết lập được mối quan hệ với các cộng đồng dân tộc thiểu số, vấn đề hiểu được ngôn ngữ của họ rất quan trọng. Nếu vượt qua được rào cản ngôn ngữ, các dân tộc sẽ gắn kết với nhau hơn. Tuy kiến nghị này vẫn còn mang tính chất sơ khai, nhưng ta cũng thấy được quan điểm của ông về tính chất đa dạng của các ngôn ngữ trên đất nước ta thời bấy giờ.

### **3. Nhìn nhận tổng thể những kiến nghị của ông về phát triển ngôn ngữ trên bình diện chính sách ngôn ngữ hiện nay**

Những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ chưa thể coi là một chính sách ngôn ngữ như chúng ta thường xem

xét những chính sách ngôn ngữ hiện nay nhưng cũng đã phản ánh được tư tưởng tiến bộ của ông khi coi phát triển ngôn ngữ là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhằm canh tân đất nước. Theo Luật Giáo dục (2005), chính sách ngôn ngữ của Việt Nam hiện nay là tiếp tục khẳng định vai trò của tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong cả nước. Nhà nước cũng khuyến khích các dân tộc thiểu số học tiếng nói và chữ viết của mình nhằm phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, ngoại ngữ được dạy và học trong các trường học là ngôn ngữ phổ biến trong giao dịch quốc tế. Xét với các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ liên quan tới việc phát triển chữ Hán quốc âm, gửi người đi học ngoại ngữ ở Singapore và khuyến khích học các thổ âm của các dân tộc thiểu số, ta thấy được ông đã đi trước thời đại bởi ngay lúc đó ông đã xác định được ngôn ngữ nào trên thế giới mà người Việt cần phải học. Ngày nay chúng ta đang bàn luận ngoại ngữ nào cần phải học trong các cơ sở giáo dục cũng như cách học và dạy như thế nào nhằm đem lại hiệu quả giao tiếp. Điều này, Nguyễn Trường Tộ đã nhìn nhận được cách chúng ta gần 150 năm. Trái lại, ở một vài thời điểm lịch sử nhất định, nền giáo dục của ta đã xem nhẹ vai trò của những ngôn ngữ này. GS Hoàng Tuệ đã nhận xét về hệ quả của việc xem nhẹ ngoại ngữ ở nước ta: “*Hiện nay những người Việt Nam song ngữ thành thạo tiếng Việt + một trong các ngôn ngữ trên thế giới là còn ít lắm, trong các giới khoa học, văn hóa, doanh nghiệp, chính trị và ngoại giao*” [2, 46].

Nếu xem xét lại vị trí và vai trò của chữ Hán lúc bấy giờ, có thể nhận thấy rằng chữ Hán quốc âm mà Nguyễn Trường Tô đề nghị không dễ gì thực hiện được bởi một lượng từ khổng lồ đã được người dân dùng trong ngôn ngữ hàng ngày. Ở thời điểm đó từ vựng gốc Hán chiếm đến hơn 70% từ vựng tiếng Việt. Như Cao Xuân Hạo (2003) nhận định: “*Qua hơn một ngàn năm Bắc thuộc, tiếng Việt đã mượn của tiếng Hán một số từ ngữ nhiều gấp bốn lần vốn từ ngữ đã có trước kia*” [1, 80]. Nếu lúc đó mà thay chúng hoàn toàn bằng quốc âm thì liệu người dân có chấp nhận hay không? Đến đây chúng ta nhớ lại đã có thời điểm nhằm thực hiện chủ trương giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, những từ Hán - Việt được thay thế bằng những từ thuần Việt. Thí dụ, *trục thăng* được thay bằng *máy bay lên thẳng*; *nhóm hát gái* thay cho *tốp ca nữ*... Nhưng kết quả đã không khả quan như mọi người mong đợi bởi chỉ sau một thời gian thì những từ gốc Hán đã quay trở lại vị trí vốn có của nó trong từ vựng tiếng Việt. Tuy vậy, xét trên bình diện tính phổ quát của ngôn ngữ, thì đây là việc làm cần thiết bởi vì ông muốn một thứ chữ viết được xem là văn tự của một dân tộc thì phải được đa số người dân hiểu được và có thể có thể đọc, viết, sử dụng được dễ dàng vào các hoạt động của quốc gia, tập thể cũng như của cá nhân trong đời sống xã hội. Không lâu sau đó, chúng ta đã có được một hệ thống chữ viết theo hệ Latinh (tức chữ Quốc ngữ) dễ và đơn giản hơn nhiều so với chữ Hán quốc âm mà Nguyễn Trường Tô đề xuất. Dầu vậy, những kiến nghị của ông vẫn luôn được ghi nhận và trân trọng.

Nguyễn Trường Tô là một con người nặng lòng với đất nước và ông đã cống hiến trọn đời mình cho công cuộc canh tân đất nước. Những đề nghị cải cách của ông không có gì quá cao xa so với điều kiện lịch sử thời bấy giờ. Nhưng điều không may cho Nguyễn Trường Tô “*chính là đã ở vào một thời đại với một ông vua nhu nhược, với những quan lại vô trách nhiệm, với một tầng lớp sĩ phu lỗi thời, lạc hậu*” [6, 115]. Họ chỉ biết Nho học, chỉ biết Trung Quốc cũ, chứ không biết gì về thế giới bên ngoài, nhất là các nước Tây phương. Thử hỏi sống trong một thời đại như vậy, ông chẳng khác nào kẻ “*đồng sàng dị mộng*”? Ngày nay, nhìn lại những kiến nghị của ông, chúng ta thực sự khâm phục một con người đã đi trước thời đại mình cả trăm năm. Những kiến nghị về phát triển ngôn ngữ của ông cũng đáng để chúng ta tham khảo trong quá trình xây dựng chính sách ngôn ngữ hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo, Tiếng Việt văn Việt người Việt, *Tp HCM Nxb Trẻ, Tp HCM, 2003.*
2. Hoàng Tuệ, Hoàng Tuệ tuyển tập, *Nxb GD Việt Nam, Tp HCM, 2009.*
3. Luật Giáo dục, *Nxb Chính trị Quốc gia, H., 2005.*
4. Nguyễn Tài Cẩn, Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa, *Nxb ĐHQG, H., 2003.*
5. Trần Trí Dõi, Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội, *Nxb Văn hóa Thông tin, H., 2001.*
6. Trương Bá Cẩn, Nguyễn Trường Tô con người và di cao, *Nxb Tp HCM, Tp HCM, 2002.*